

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

theo quy định thông tư số 04/2012/TT-BCT

Trang 1/8

Soleris® 2 Vial, Calibraton

Phiên bản 2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2023-05-23

Phần 1. Nhận dạng hóa chất/chất pha chế và nhận dạng công ty/công việc

1.1 Định dạng sản phẩm

Tên sản phẩm	Soleris® 2 Vial, Calibraton
Số Danh Mục	S2-CV, S2-CV100

1.2 Các ứng dụng đã biết của chất hoặc hỗn hợp và khuyến nghị sử dụng với:

Các sử dụng đã được xác định và khuyến cáo	[SU3] Sử dụng trong công nghiệp: Sử dụng các chất như vậy hoặc trong các chế phẩm tại các khu công nghiệp; [PC21] Hóa chất phòng thí nghiệm;
Hình thù	Được thiết kế để sử dụng trong phần tích thông thường, bao gồm kiểm soát và giám sát chất lượng. Chỉ sử dụng trong ống nghiệm.

1.3 Chi tiết về nhà cung cấp Bảng dữ liệu an toàn

Công ty:	Neogen Corporation
Địa chỉ nhà	620 Lesher Place Lansing MI 48912 USA
Web	www.neogen.com
Điện thoại:	517-372-9200/800-234-5333
Địa chỉ email:	SDS@neogen.com

1.4 Điện thoại khẩn cấp


	24 giờ: Y tế: 1-800-498-5743 (Mỹ và Canada) hoặc 1-651-523-0318 (quốc tế) Trần/CHEMTREC: 1-800-424-9300 (Hoà Kỳ và Canada) hoặc 1-703-527-3887 (quốc tế)
--	--

Phần 2. Nhận dạng các nguy cơ

2.1 Sự phân loại hóa chất hoặc hỗn hợp

2.1.2. Phân loại (Quy định số GHS)	Repr. 1B: H360;
------------------------------------	-----------------

2.2 Các yếu tố nhãn

Hình đồ cảnh báo nguy cơ	
Lời cảnh báo	Nguy hiểm
Cảnh báo nguy hiểm	Repr. 1B: H360 - Có thể gây tổn hại khả năng sinh sản hoặc thai nhi.
Các lưu ý phòng ngừa: Biện pháp phòng ngừa	P202 - Không xử lý cho đến khi tất cả các biện pháp phòng ngừa an toàn đã được đọc và hiểu. P280 - Đeo găng tay bảo vệ / bảo vệ bảo vệ quần áo / mắt / mặt.
Các lưu ý phòng ngừa: Biện pháp ứng phó	P308+P313 - NẾU tiếp xúc hoặc liên quan: Nhận tư vấn y tế / sự chú ý.

Soleris® 2 Vial, Calibraton

Phiên bản 2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2023-05-23

2.2 Các yếu tố nhãn

Các lưu ý phòng ngừa: Việc thải bỏ	P501 - Xử lý các nội dụng / container một cơ sở xử lý chất thải nguy hại / đặc biệt được phê duyệt theo quy định của địa phương và quốc gia.
------------------------------------	--

2.3 Các nguy cơ khác

Các dấu hiệu nguy hiểm khác	Chứa các tài liệu có thể dẫn đến bệnh ung thư. Bụi có thể gây khó chịu nếu hít phải.
-----------------------------	--

Phần 3. Thành phần/thông tin về các phụ liệu

3.2 Hỗn hợp

EC 1272/2008

Tên hóa học	Chỉ số	Số CAS	Số EC	Số REACH	Nồng độ %	Phân loại
N,N-dimethylformamide	616-001-00-X	68-12-2	200-679-5		0 - 0.5%	Flâm. Liq. 3: H226; Acute Tox. 4: H312+H332; Eye Irrit. 2: H319; STOT SE 3: H335; Repr. 1B: H360D;

Hình thè

	Bảo gồm trong danh sách ứng cử viên các chất có mối quan tâm rất cao (REACH): N,N-Dimethylformamide, CAS No. 68-12-2 (<0.3%). Nồng độ được liệt kê không phải là thông số kỹ thuật sản phẩm.
--	---

đặc điểm hạt

	Không có thông tin.
--	---------------------

Thông tin khác

	Toàn văn Tuyên bố về mối nguy được liệt kê trong Phần này được cung cấp trong Phần 16.
--	--

Phần 4. Các biện pháp sơ cứu

4.1 Mô tả các biện pháp sơ cứu cần thiết

Sâu khí hít phải:	Di chuyển người tiếp xúc với không khí trong lành. Nếu việc thở gặp khó khăn, hãy lấy thêm khí oxy. Nếu ngừng thở, cung cấp hô hấp nhân tạo. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu kích thích hoặc các triệu chứng vẫn tồn tại.
Sâu khí tiếp xúc với mắt	Rửa sạch ngay với nhiều nước. Kính áp tròng nên được loại bỏ. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu kích thích hoặc các triệu chứng vẫn tồn tại.
Trong trường hợp tiếp xúc với da	Cởi bỏ quần áo nhiễm bẩn. Rửa bằng xà phòng và nước. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu kích thích hoặc các triệu chứng vẫn tồn tại.
Nếu nuốt phải:	Không gây nôn trừ khi được trung tâm kiểm soát chất độc hoặc bác sĩ yều cầu làm như vậy. Rửa miệng thật kỹ. Không bao giờ cho bất cứ điều gì vô mệnh của một người đã bất tỉnh. Được tư vấn y tế / chú ý nếu bạn cảm thấy không khỏe.

4.2 Các ảnh hưởng và triệu chứng quan trọng nhất, biểu hiện cấp tính và biểu hiện chậm

Sâu khí hít phải:	Có thể gây kích ứng cho hệ hô hấp.
Sâu khí tiếp xúc với mắt	Có thể gây kích ứng cho mắt.
Trong trường hợp tiếp xúc với da	Có thể gây kích ứng cho da.
Nếu nuốt phải:	Ăn vào có thể gây buồn nôn và nôn. Có thể gây tổn hại khả năng sinh sản hoặc thai nhi.

4.3 Những dấu hiệu cần sự chăm sóc y tế tức thời và điều trị đặc biệt

	Loại bỏ người bị ảnh hưởng khỏi nguồn ô nhiễm ngay lập tức. Chuyển đến bệnh viện nếu có bông hoặc triệu chứng ngộ độc. Tìm kiếm sự chăm sóc y tế nếu kích thích hoặc các triệu chứng vẫn tồn tại. Nếu cần tư vấn y tế, có hộp đựng sản phẩm hoặc nhãn trong tay.
--	--

Phần 5. Các biện pháp sơ cứu hỏa

Soleris® 2 Viên, Calibraton

Phiên bản 2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2023-05-23

5.1 Các phương tiện chữa cháy

Sử dụng các biện pháp chữa cháy phù hợp với hoàn cảnh địa phương và môi trường xung quanh.

5.2 Các nguy cơ đặc biệt bắt nguồn từ hoá chất và hỗn hợp

Tránh hình thành bụi. Không cho phép sản phẩm không phải loãng được xả vào nước ngầm, dòng nước hoặc hệ thống nước thải.

5.3 Lợi quyền dành cho lính cứu hỏa

Không hít bụi hoặc hơi. Mặc thiết bị thở độc lập và quần áo bảo vệ hỏa học.

Phần 6. Các biện pháp đối phó với sự cố phát thải

6.1 Biện pháp phòng ngừa cá nhân, trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó khẩn cấp

Tránh hình thành bụi. Sử dụng kỹ thích hợp: Thiết bị bảo vệ, quần áo bảo hộ. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Tránh tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại.

6.2 Các biện pháp phòng ngừa về môi trường

Ngăn chặn sự cố tràn thêm nếu an toàn. Làm sạch khu vực tràn đầy với nhiều nước. Không xả vào nước mặt. Đừng để sản phẩm gây ô nhiễm dưới đất.

6.3 Các phương pháp và vật liệu để chứa đựng và làm sạch

Tránh hình thành bụi. Làm sạch khu vực tràn đầy với nhiều nước. Không làm nhiễm bẩn nước bằng cách làm sạch thiết bị hoặc xử lý chất thải.

6.4 Xem các mục khác

Xem Phần (2, 8, and 13) để biết thêm thông tin.

Phần 7. Các lưu ý khi thao tác và lưu trữ

7.1 Các biện pháp phòng ngừa để thao tác an toàn với hoá chất

Áp dụng các cảnh nhắc Xử lý thủ công tốt nhất khi xử lý, mang và phá chế. Tránh tiếp xúc với mắt. Không ăn, uống hoặc hút thuốc ở những khu vực sử dụng hoặc bảo quản sản phẩm này. Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ. Không làm nhiễm bẩn nước bằng cách làm sạch thiết bị hoặc xử lý chất thải. Sử dụng kỹ thích hợp: quần áo bảo hộ.

Đọc toàn bộ nhãn và làm theo tất cả các hướng dẫn sử dụng, hạn chế và biện pháp phòng ngừa.

7.2 Các điều kiện lưu giữ an toàn, bao gồm cả bất kỳ điều kiện xung khắc nào

Bảo quản ở nhiệt độ giữa 2 ° C và 30 ° C. Làm theo hướng dẫn trên nhãn.

Lưu trữ trong các thùng chứa có nhãn chính xác. Giữ kín thùng chứa. Tránh ẩm. Không làm ô nhiễm nước, thực phẩm hoặc thức ăn bằng cách lưu trữ hoặc xử lý.

7.3 Sử dụng cụ thè

Xem Phần (1.2) để biết thêm thông tin.

Thông tin khác

Thăm khảo nhãn sản phẩm và / hoặc gói chèn để biết thêm thông tin.

Phần 8. Kiểm soát phơi nhiễm/bảo vệ cá nhân

8.2 Kiểm soát phơi nhiễm



8.2.1. Các biện pháp kỹ thuật

Đảm bảo sự thông hơi đầy đủ.

8.2.2. Các biện pháp bảo hộ cá nhân

Sử dụng kỹ thích hợp: Thiết bị bảo vệ.

Soleris® 2 Vial, Calibration

Phiên bản 2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2023-05-23

8.2 Kiểm soát phơi nhiễm

Bảo vệ mắt/mặt	Sử dụng khi thích hợp: Bảo vệ mắt/mặt.
Bảo vệ tay	Sử dụng khi thích hợp: Găng tay chống hoá chất làm bằng bất kỳ vật liệu chống thấm nào. Rửa bên ngoài găng tay trước khi tháo chúng ra.
Thiết bị bảo hộ khác	Sử dụng khi thích hợp: quần áo bảo hộ. Rửa quần áo bị ô nhiễm, tách biệt với các loại Giặt khác, với chất tẩy rửa và nước trước khi tái sử dụng.
Bảo vệ hô hấp	Trong trường hợp thiếu gió, đeo thiết bị hô hấp thích hợp. Bụi có thể gây khó chịu nếu hít phải.
Kiểm soát phơi nhiễm nghề nghiệp	Phơi nhiễm trên giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp được đề xuất (OEL) có thể gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe. Bảo vệ quần áo khỏi tiếp xúc với sản phẩm. Cung cấp hoá chất tắm. Cung cấp trạm rửa mắt.

Thông tin khác

	Thăm khảo nhãn sản phẩm để biết thêm các yêu cầu và khuyến nghị PPE. Thực hiện theo các hướng dẫn nhãn.
--	---

Phần 9. Các tính chất vật lý và hoá học

9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hoá học

Hình thể	Chất lỏng/(Chứa trong thiết bị)
Màu sắc	Thông thoáng/Không màu
Mùi đặc trưng	Không mùi/Nhẹ
Ngưỡng mùi	Không có thông tin
Độ pH	7.4 - 7.8
Điểm nóng chảy	Không có thông tin
Điểm đóng băng	Không có thông tin
Điểm sôi bình thường	Không có thông tin
Điểm chớp cháy mở	Không có thông tin
Tỷ lệ hoá hơi	Không có thông tin
Khả năng bắt cháy (chất rắn, khí)	Không áp dụng được
Áp suất hoá hơi	Không có thông tin
Mật độ hơi tương đối	Không có thông tin
Mật độ / Mật độ tương đối	Không có thông tin
Hệ số phản tán	Không có thông tin
Nhiệt độ tự bốc cháy	Không có thông tin
Độ nhớt, động lực	Không có thông tin
Đặc tính cháy nổ	Không áp dụng được
Đặc tính oxy hoá	Không có thông tin
Tính tan trong nước	Hoà tan trong nước

9.2 Các dữ liệu khác

Tính dẫn	Không có thông tin
Sức căng bề mặt	Không có thông tin
Nhóm khí	Không có thông tin
Hàm lượng benzen	Không có thông tin
Nội dung dẫn đầu	Không có thông tin
VOC (Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi)	Không có thông tin

Phần 10. Tính ổn định và tính phản ứng

10.1 Khả năng phản ứng

	Ổn định trong điều kiện bình thường.
--	--------------------------------------

Soleris® 2 Viên, Calibraton

Phiên bản 2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2023-05-23

10.2 Tính ổn định hóa học

Ổn định trong điều kiện bình thường.

10.3 Khả năng xảy ra phản ứng nguy hiểm

Trong các điều kiện quy định, các phản ứng nguy hiểm dẫn đến nhiệt độ hoặc áp suất quá mức không được mong đợi.

10.4 Các điều kiện cần tránh

Tránh xa nhiệt độ cực đoan. Tránh ẩm.

10.5 Các vật liệu xung khắc

Không có thông tin.

10.6 Các sản phẩm phân hủy nguy hiểm

Ôxít carbon.

Phần 11. Thông tin độc học

11.1 Thông tin về các loại nguy hiểm

Ngộ độc cấp tính	Dựa trên dữ liệu có sẵn, các triệu chứng cấp tính không được đáp ứng. Tuy nhiên, sản phẩm này có chứa (các) chất được phân loại là nguy hiểm. Đề biết thêm thông tin, xem Phần 3.
Ăn mòn / kích ứng da	Có thể gây kích ứng cho da.
Tổn thương / kích ứng mắt nghiêm trọng	Có thể gây kích ứng cho mắt.
Nhạy cảm	Có thể gây ra phản ứng dị ứng ở những người nhạy cảm.
Biến đổi tế bào gốc	Không có tác dụng gây đột biến được báo cáo.
Độc tính gây ung thư	Không có thành phần lớn hơn 0,01% được liệt kê trong hội nghị Hoá Hygienists của chính phủ công nghiệp (ACGIH) hướng dẫn về các giá trị phơi nhiễm nghề nghiệp. Được liệt kê bởi Cơ quan Nghiên cứu Ung thư Quốc tế (IARC) dưới dạng Nhóm 2A: Có thể gây ung thư cho người, [N,N-Dimethylformamide, CAS No. 68-12-2 (<0.3%)], [Chloramphenicol, CAS No. 56-75-7 (<0.1%)]. Được liệt kê trong Báo cáo về Chương trình Chất độc Quốc gia (NTP) về Chất gây ung thư là hợp lý dự đoán là một chất gây ung thư của con người, [Chloramphenicol, CAS No. 56-75-7 (<0.1%)]. Không được liệt kê trong tiêu chuẩn OSHA 1910.1003 Chất gây ung thư.
Độc tính đối với sinh sản	Độc cho sinh sản loại 1. Có thể gây tổn hại khả năng sinh sản hoặc thai nhi.
Độc tính hệ thống lên cơ quan mục tiêu cụ thể -phơi nhiễm đơn lẻ	Có thể gây ra dị ứng hoặc hen suyễn hoặc các triệu chứng khó thở nếu hít.
Độc tính tổng thể lên cơ quan đích cụ thể - phơi nhiễm nhiều lần	Không có mối nguy hiểm đáng kể.
Nguy cơ hô hấp	Không có mối nguy hiểm đáng kể.
Tiếp xúc nhiều lần hoặc kéo dài	Tránh tiếp xúc kéo dài hoặc lặp đi lặp lại. Sự xuất hiện chậm trễ của các khiếu nại và phát triển quá mẫn cảm (khó thở, ho, hen suyễn) là có thể.

11.1.2. Hỗn hợp

Xem Phần (3) để biết thêm thông tin.

11.1.3. Thông tin nguy hiểm

Xem Phần (2 và 3) để biết thêm thông tin.

11.1.4. Thông tin độc tính

Không có thông tin

Soleris® 2 Viên, Calibraton

Phiên bản 2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2023-05-23

11.1.5. Nhóm sự cố

Xem Phần (2 ảng 14) để biết thêm thông tin.

11.1.6. Tiêu chí phân loại

Dựa trên các cảnh nhắc của Hệ thống hài hòa toàn cầu (GHS) để phân loại hỗn hợp. Xem Phần 15 để trích dẫn quy định.

11.1.7. Thông tin về các tuyến đường có khả năng bị phơi nhiễm

Sử dụng tiếp xúc với mắt. Trong trường hợp tiếp xúc với da. Sử dụng hít phải. Nếu nuốt phải.

11.1.8. Các triệu chứng liên quan đến các đặc tính vật lý, hoá học và độc tính

Xem Phần (4.2) để biết thêm thông tin.

11.1.9. Các tác dụng bị trì hoãn và gây lập tức cũng như các tác động mãn tính do phơi nhiễm ngắn hạn và dài hạn

Xem Phần (4.2) để biết thêm thông tin.

11.1.10. Hiệu ứng tương tác

Không có thông tin.

11.1.11. Thiệu dữ liệu cụ thể

<1% hỗn hợp này bao gồm các thành phần độc tính cấp tính chưa biết.

11.1.12. Hỗn hợp so với thông tin chất

Xem Phần (3) để biết thêm thông tin.

11.1.13. Thông tin khác

Không có thông tin.

11.2 Thông tin về các mối nguy hiểm khác

Không có thông tin.

Phần 12. Thông tin sinh thái học

12.1 Độc tính

Không có thông tin

12.2 Tính bền vững và phân hủy

Không có thông tin.

12.3 Tiềm năng tích lũy sinh học

Không có thông tin.

12.4 Tính biến đổi trong đất

Không có thông tin.

12.5 Kết quả đánh giá PBT và vPvB

Không có thông tin.

12.6 Đặc tính phá vỡ nội tiết

Không có thông tin.

12.7 Các ảnh hưởng có hại khác

Dữ liệu thử nghiệm cụ thể cho các chất hoặc hỗn hợp không có sẵn.

Thông tin khác

Tránh xa hồ, ao, hoặc suối.

Phần 13. Các lưu ý về tiêu hủy

13.1. Các phương pháp xử lý chất thải

Soleris® 2 Viên, Calibraton

Phiên bản 2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2023-05-23

13.1. Các phương pháp xử lý chất thải

	Vứt bỏ như chất thải đặc biệt tuân thủ quy định của địa phương và quốc gia. Làm theo hướng dẫn trên nhãn.
--	---

Phương pháp xử lý

	Không làm nhiệm vụ rửa bằng cách làm sạch thiết bị hoặc xử lý chất thải. Không xả vào nước mặt. Vứt bỏ tuân thủ tất cả quy định của địa phương và quốc gia.
--	---

Xử lý bảo bì

	Container không thể đổ. Không tái sử dụng đồ chứa này. Lưu trữ trong hộp kín bản đầu cách xa thực phẩm hoặc thức ăn.
--	---

Thông tin khác

	Thăm khảo nhãn sản phẩm và / hoặc gói chèn để biết thêm thông tin. Làm theo hướng dẫn trên nhãn.
--	--

Phần 14. Thông tin vận chuyển

14.1 Số UN

	Sản phẩm không được phân loại là nguy hiểm cho vận chuyển.
--	--

14.2 Tên vận chuyển thích hợp

	Sản phẩm không được phân loại là nguy hiểm cho vận chuyển.
--	--

14.3 Hạng

	Sản phẩm không được phân loại là nguy hiểm cho vận chuyển.
--	--

14.4 Nhóm đóng gói

	Sản phẩm không được phân loại là nguy hiểm cho vận chuyển.
--	--

14.5 môi trường độc hại

	Sản phẩm không được phân loại là nguy hiểm cho vận chuyển.
--	--

14.6 Khuyến cáo đặc biệt cho người sử dụng

	Sản phẩm không được phân loại là nguy hiểm cho vận chuyển.
--	--

14.7 Vận tải biển số lượng lớn theo các công cụ của IMO

	Sản phẩm không được phân loại là nguy hiểm cho vận chuyển.
--	--

Phần 15. Thông tin pháp luật

15.1 Các quy định/lệnh pháp về an toàn, sức khỏe và môi trường cụ thể đối với chất và hỗn hợp

Quy định	Thông tư số 04/2012/TT-BCT.
Danh mục hóa chất / Danh sách phải biết:	Liên hệ với SDS@neogen.com để biết thêm thông tin. Vui lòng chỉ định quốc gia hoặc khu vực với yêu cầu của bạn. ** Cư dân California xin lưu ý ** CẢNH BÁO: Sản phẩm này có thể khiến bạn tiếp xúc với hóa chất, bao gồm N,N-Dimethylformamide, CAS No. 68-12-2 (<0.3%), được biết đến với Tiêu bảng California gây ung thư. Để biết thêm thông tin, hãy truy cập www.P65Warnings.ca.gov .

Phần 16. Các thông tin khác

Các thông tin khác

Phiên bản	Tài liệu này khác với phiên bản trước trong các lĩnh vực sau: 2 - Các dấu hiệu nguy hiểm khác. 2 - Các lưu ý phòng ngừa: Biện pháp phòng ngừa. 2 - Các lưu ý phòng ngừa: Lưu trữ.
-----------	--

Soleris® 2 Viên, Calibraton

Phiên bản 2

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất 2023-05-23

Các thông tin khác

	<p>2 - 2.1.2. Phần loại (Quy định số GHS).</p> <p>3 - Hình thề.</p> <p>4 - Nếu nuốt phải:.</p> <p>7 - 7.2 Các điều kiện lưu giữ an toàn, bao gồm cả bất kỳ điều kiện xung khắc nào.</p> <p>8 - 8.1 Các thông số kiểm soát.</p> <p>9 - 9.1 Thông tin cơ bản về các đặc tính vật lý và hoá học (Độ pH).</p> <p>9 - 9.2 Các dữ liệu khác (Tính dẫn).</p> <p>9 - 9.2 Các dữ liệu khác (Nhóm khí).</p> <p>9 - 9.2 Các dữ liệu khác (Sức căng bề mặt).</p> <p>11 - Ngộ độc cấp tính.</p> <p>11 - Độc tính gây ung thư.</p> <p>11 - Độc tính đối với sinh sản.</p> <p>13 - 13.1. Các phương pháp xử lý chất thải.</p> <p>15 - Danh mục hoá chất / Danh sách phải biết:.</p>
<p>Chú thích đối với các từ viết tắt sử dụng trong Bảng dữ liệu an toàn</p>	<p>ADR / RID: Các thỏa thuận châu Âu liên quan đến vận chuyển hàng hoá nguy hiểm quốc tế bằng đường sắt (RID) và bằng đường bộ (ADR).</p> <p>CAS số: Dịch vụ tóm tắt hoá học.</p> <p>LỚP: Bảng phần loại, ghi nhãn và dữ liệu an toàn của quy định về hoá chất độc hại 2013 (Malaysia).</p> <p>FIFRA: Đạo luật diệt côn trùng, diệt nấm và diệt chuột liên bang Hoa Kỳ.</p> <p>GHS: Hệ thống hài hoà toàn cầu.</p> <p>HCS 2012: Tiêu chuẩn truyền thông nguy hiểm của Hoa Kỳ (sửa đổi năm 2012).</p> <p>IATA: Hiệp hội vận tải hàng không quốc tế.</p> <p>ICAO: Tổ chức hàng không dân dụng quốc tế.</p> <p>IMDG: Hàng hoá nguy hiểm hàng hải quốc tế.</p> <p>LD: Liều gây tử vong.</p> <p>OEL: Giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.</p> <p>OSHA: Cơ quan quản lý sức khỏe và an toàn lao động Hoa Kỳ.</p> <p>PEL: Giới hạn phơi nhiễm cho phép.</p> <p>REACH: Đăng ký, Đánh giá, Ủy quyền và Hạn chế Hoá chất.</p> <p>STOT: Độc tính của cơ quan đích cụ thể.</p> <p>SVHC: Chất gây lo ngại rất cao.</p> <p>DOT Hoa Kỳ: Bộ Giao thông Vận tải Hoa Kỳ.</p> <p>VOC: Hợp chất hữu cơ dễ bay hơi.</p> <p>WEL: Giới hạn tiếp xúc nơi làm việc.</p>
<p>Nội dung chi tiết của Bảng kê H có liên quan đến mục 3.</p>	<p>Flam. Liq. 3: H226 - Chất lỏng dễ cháy và hơi.</p> <p>Tox cấp tính. 4: H312 + H332 - Có hại khi tiếp xúc với da hoặc nếu hít phải.</p> <p>Eye Irrit. 2: H319 - Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.</p> <p>STOT SE 3: H335 - Có thể gây kích ứng đường hô hấp.</p> <p>Đại diện 1B: H360D - Có thể gây hại cho thai nhi.</p>

Thông tin khác

	<p>TUYÊN BỐ TỪ CHỐI: Các thông tin và khuyến nghị được nêu trong tài liệu này ("Thông tin") được trình bày với thiện chí và được cho là chính xác kể từ ngày bản hành. Không có đại diện nào được thực hiện liên quan đến tính đầy đủ hoặc chính xác của Thông tin. Hơn nữa, do có nhiều yếu tố ảnh hưởng đến việc sử dụng sản phẩm này, Thông tin được cung cấp với điều kiện người đó nhận được sẽ tự quyết định về sự phù hợp của mình cho mục đích duy nhất của họ, trước khi sử dụng.</p> <p>Trừ khi được quy định rõ ràng trong tài liệu này, KHÔNG CÓ ĐẢM BẢO, BẢO ĐẢM, HOẶC ĐẠI DIỆN CỦA BẤT KÌ LOẠI NÀO, ĐẠI DIỆN HOẶC ĐẠI DIỆN CỦA BẤT KÌ LOẠI NÀO, REX RÀNG HOẶC ĐẠI DIỆN ĐƯỢC GIẢI QUYẾT B USNG VIỆC SỬ DỤNG SẢN PHẨM NÀY được thực hiện đối với sản phẩm này hoặc sử dụng sản phẩm này. Sản phẩm được bảo hiểm được trang bị "nguyên trạng" và chỉ tuân theo các bảo hành được cung cấp ở đây, không có trách nhiệm pháp lý nào xảy ra do việc sử dụng sản phẩm này.</p>
--	---